

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-02-2025  
V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đẹp.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Danh.

Bà Dương Bích Cẩm.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Hoàng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 577/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 19 ấp L, xã Th, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 19 ấp L, xã Th, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc Q kết hôn với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34, quyển số 01/2010. Quá trình chung sống giữa chị và anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã làm ảnh hưởng đến tinh thần của cả hai vợ chồng, con cái và gia đình hai bên. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cả hai vợ chồng đều không có biện pháp hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh Q có hai con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 24/01/2014 và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 16/10/2015. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng là 2.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị xác định không có nợ chung.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc Q đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Q vắng mặt không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Q đang cư trú tại xã Th, huyện C, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn chị Lê Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L và anh Q.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị L thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34, quyển số 01/2010 của Ủy ban nhân dân phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên xác định quan hệ giữa chị Lê Thị L với anh Nguyễn Ngọc Q là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị Lê Thị L thể hiện quá trình chung sống giữa chị và anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã làm ảnh hưởng đến tinh thần của cả hai vợ chồng, con cái và gia đình hai bên. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh Q không còn khả năng đoàn tụ, tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L, cho chị L ly hôn với anh Q.

[2.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị L và anh Q có hai con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 24/01/2014 và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 16/10/2015 hiện đang chung sống cùng chị L và do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q cũng không có ý kiến đối với yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các con chung của chị L. Xét thấy chị L hiện đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, con chung vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường và cuộc sống ổn định, con chung có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng chị L. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định của con nên cần phải tiếp tục giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình như sau: *“Trường hợp người trực tiếp nuôi con không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng thì Tòa án giải thích cho họ việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con...”*. *“Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”*. Căn cứ vào Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định thì địa bàn huyện C, tỉnh Long An thuộc Vùng I với mức lương tối thiểu vùng là 4.960.000 đồng/tháng. Qua đó thì chị L yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp và mỗi tháng anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.480.000 đồng và thay đổi khi lương tối thiểu vùng thay đổi cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Anh Nguyễn Ngọc Q chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Q.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 24/01/2014 và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 16/10/2015 cho chị Lê Thị L tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng là 2.480.000 đồng (thay đổi khi lương tối thiểu vùng thay đổi), thời hạn cấp dưỡng từ ngày 28/02/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Ngọc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Lê Thị L chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí do chị L nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số: 0013413 ngày 07/10/2024. Chị L đã nộp xong.

Anh Nguyễn Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng án phí.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Đẹp**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

